

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ
VƯỜN SAO

CÔNG KHAI THÔNG TIN CHUNG VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC

1. Tên cơ sở giáo dục:

- Tên trung tâm: TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ VƯỜN SAO
- Tên bằng tiếng nước ngoài (nếu có): Stars Garden Foreign Language Center
- Địa chỉ hoạt động giáo dục: 79 Nguyễn Tiểu La, phường Diên Hồng, TP. HCM
- Điện thoại: 0799191222
- Địa chỉ thư điện tử: thay.huy.7@gmail.com
- Cổng thông tin điện tử (website): starsgarden.vn

2. Tên chi nhánh và địa chỉ hoạt động của cơ sở giáo dục, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ sở giáo dục (sau đây gọi chung là cổng thông tin điện tử).

STT	Tên chi nhánh	Địa chỉ hoạt động	Điện thoại	Địa chỉ thư điện tử	Cổng thông tin điện tử (website)
1.	Không có				

3. Loại hình của cơ sở giáo dục, cơ quan/ tổ chức quản lý trực tiếp hoặc chủ sở hữu; tên nhà đầu tư thành lập cơ sở giáo dục, thuộc quốc gia/ vùng lãnh thổ (đối với cơ sở giáo dục có vốn đầu tư nước ngoài); danh sách tổ chức và cá nhân góp vốn đầu tư:

- Loại hình cơ sở giáo dục: Trung tâm ngoại ngữ, tin học
- Chủ sở hữu:
- Quốc gia/ Vùng lãnh thổ: Việt Nam
- Danh sách tổ chức, cá nhân góp vốn:

STT	Tên Tổ chức, cá nhân góp vốn	Số tiền góp vốn	Tỉ lệ %
1.	Phan Trần Quốc Huy	2.970.000.000 VNĐ	99%
2.	Lưu Ngọc Phương Linh	30.000.000 VNĐ	1%

4. Sứ mạng, tầm nhìn, mục tiêu của cơ sở giáo dục.

- Sứ mạng: Thành lập và xây dựng Trung tâm trở thành trung tâm dạy ngoại ngữ có chất lượng đáp ứng nhu cầu người học, giúp các học viên có nền tảng ngoại ngữ vững chắc, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao đối với môn học tại các nhà trường và yêu cầu công việc trong cuộc sống.
- Tầm nhìn: Nâng cao trình độ học và sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp của mọi tầng lớp, mọi lứa tuổi trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, đồng thời thực hiện tốt chủ trương của nhà nước.
- Mục tiêu: Xây dựng Trung tâm trở thành trung tâm dạy ngoại ngữ có chất lượng đáp ứng nhu cầu người học, giúp các học viên có nền tảng ngoại ngữ vững chắc, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao đối với môn học tại các nhà trường và yêu cầu công việc. Song hành với việc nâng cao trình độ học và sử dụng ngoại ngữ trong giao tiếp, học viên còn được tiếp cận các thiết bị, giáo trình giảng dạy tiên tiến của các nhà xuất bản sách ngoại ngữ có uy tín hàng đầu thế giới. Khi đến với trung tâm, học viên sẽ được bồi dưỡng phát triển năng lực giao tiếp qua bốn kỹ năng cơ bản: nghe, nói, đọc, viết, được rèn luyện kỹ năng sống, kỹ năng sử dụng ngôn ngữ qua các hoạt động vui chơi, giải trí trong các tiết học kết hợp với xem phim, nghe nhạc... các hoạt động bổ trợ xảy ra trong quá trình dạy học, được kiểm tra định kỳ nhằm kiểm tra hiệu quả đào tạo qua các

hình thức giao lưu, festival...

5. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển của cơ sở giáo dục.

6. Thông tin người đại diện pháp luật hoặc người phát ngôn hoặc người đại diện để liên hệ, bao gồm:

- Họ và tên: Phan Trần Quốc Huy
- Chức vụ:
- Địa chỉ làm việc: 79 Nguyễn Tiểu La, phường Diên Hồng, TP.HCM
- Số điện thoại: 0799191222
- Địa chỉ thư điện tử: thay.huy.7@gmail.com

7. Tổ chức bộ máy:

a. Quyết định thành lập, cho phép thành lập, sáp nhập, chia, tách, cho phép hoạt động giáo dục, đình chỉ hoạt động giáo dục của cơ sở giáo dục hoặc phân hiệu của cơ sở giáo dục (nếu có);

Tên quyết định	Tên trung tâm	Số quyết định	Ngày cấp quyết	Cơ quan cấp

b. Quy chế tổ chức và hoạt động của cơ sở giáo dục; chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của cơ sở giáo dục và của các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có); sơ đồ tổ chức bộ máy của cơ sở giáo dục;

- Quy chế tổ chức và hoạt động:
- Chức năng:
- Nhiệm vụ, quyền hạn:
- Sơ đồ tổ chức bộ máy:

c. Quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, giải thể các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên (nếu có);

Tên quyết định	Tên trung tâm	Số quyết định	Ngày cấp quyết	Cơ quan cấp

d. Họ và tên, chức vụ, điện thoại, địa chỉ thư điện tử, địa chỉ nơi làm việc, nhiệm vụ, trách nhiệm của lãnh đạo cơ sở giáo dục và lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc, thành viên của cơ sở giáo dục (nếu có).

- Họ và tên:
- Chức vụ:
- Điện thoại:
- Địa chỉ nơi làm việc:
- Nhiệm vụ:
- Trách nhiệm

e. Các văn bản khác của cơ sở giáo dục: Chiến lược phát triển của cơ sở giáo dục; quy chế dân chủ ở cơ sở của cơ sở giáo dục; các nghị quyết của hội đồng trường; quy định về quản lý hành chính, nhân sự, tài chính; chính sách thu hút, phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục; kế hoạch và thông báo tuyển dụng của cơ sở giáo dục và các quy định, quy chế nội bộ khác (nếu có):

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
Ký tên, đóng dấu

ghi rõ họ và tên

CÔNG KHAI THÔNG TIN THU, CHI TÀI CHÍNH

1. Các khoản chi:

- Chi tiền lương:

STT	Nội dung chi	Số tiền (đơn vị tính %)
1.	Lương	7%
2.	Phụ cấp	
3.	Lương tăng thêm	28%
4.	Các khoản chi khác có tính chất như lương	

- Chi cơ sở vật chất và dịch vụ:

STT	Nội dung chi	Số tiền (đơn vị tính đồng)
1.	Chi mua sắm	
2.	Duy tu sửa chữa	
3.	Bảo dưỡng và vận hành cơ sở vật chất	15%
4.	Trang thiết bị	
5.	Thuê mướn các dịch vụ phục vụ trực tiếp cho hoạt động giáo dục, đào tạo, nghiên cứu, phát triển đội ngũ	8%
6.		

- Chi hỗ trợ người học:

STT	Nội dung chi	Số tiền (đơn vị tính đồng)
1.	Học bổng	
2.	Trợ cấp	
3.	Hỗ trợ sinh hoạt	
4.	Hoạt động phong trào	
5.	Thi đua	
6.	Khen thưởng	
7.		

- Chi khác:

STT	Nội dung chi	Số tiền (đơn vị tính đồng)
1.		
2.		
3.		
4.		

2. Các khoản thu và mức thu đối với người học:

- Học phí:

- Lệ phí:

- Tất cả các khoản thu và mức thu ngoài học phí, lệ phí (nếu có) trong năm học và dự kiến cho từng năm học tiếp theo của cấp học hoặc khóa học của cơ sở giáo dục trước khi tuyển sinh, dự tuyển. w

- Chính sách và kết quả thực hiện chính sách hằng năm về trợ cấp và miễn, giảm học phí, học bổng đối với người học:

- Số dư các quỹ theo quy định, kể cả quỹ đặc thù (nếu có):

- Các nội dung công khai tài chính khác thực hiện theo quy định của pháp luật về tài chính, ngân sách, kế toán, kiểm toán, dân chủ cơ sở:

	ĐỐC TRUNG TÂM Ký tên, đóng dấu ghi rõ họ và tên
--	--

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
TRUNG TÂM NGOẠI NGỮ
VƯỜN SAO

CÔNG KHAI
ĐIỀU KIỆN BẢO ĐẢM CHẤT LƯỢNG HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC
THƯỜNG XUYỀN

I. ĐỘI NGŨ NHÀ GIÁO, CÁN BỘ QUẢN LÝ VÀ NHÂN VIÊN

1. Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên chia theo nhóm vị trí việc làm và trình độ được đào tạo;

- Tổng số giáo viên: 3

Trình độ	Cơ hữu (người)	Thỉnh giảng (người)
Cao Đẳng	0	
Đại học	2	
Sau Đại học	1	

- Tổng số cán bộ quản lý: 1

Trình độ	Cơ hữu (người)	Thời vụ (người)
Cao Đẳng		
Đại học		
Sau Đại học	1	

- Tổng số nhân viên: 2

Trình độ	Cơ hữu (người)	Thời vụ (người)
Cao Đẳng		
Đại học	1	
Sau Đại học		

2. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên được đánh giá hằng năm theo quy định;

Vị trí	Tổng số lượng	Số lượng được đánh giá	Tỷ lệ
Giáo viên			
Nhân viên			
Cán bộ quản lý			

3. Số lượng, tỷ lệ giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên hoàn thành bồi dưỡng hằng năm theo quy định.

Vị trí	Tổng số lượng	Số lượng hoàn thành bồi dưỡng	Tỷ lệ
Giáo viên			
Nhân viên			
Cán bộ quản lý			

II. CƠ SỞ VẬT CHẤT

- Tổng số phòng học: 4

STT	Tên phòng học	Diện tích	Vị trí tầng
1.	Phòng học 1	14 cm2	3
2.	Phòng học 2	12 cm2	3
3.	Phòng học 3	14 cm2	4
4.	Phòng học 4	12 cm2	4

- Tổng số phòng học tin học: 2

STT	Tên phòng học	Diện tích	Số lượng máy tính	Vị trí tầng
-----	---------------	-----------	-------------------	-------------

1.	Phòng tin học 1	14 cm2	8	3
2.	Phòng tin học 2	14 cm2	8	4

- Tổng số Phòng chức năng: 6

STT	Tên phòng chức năng	Diện tích	Vị trí tầng
1.	Phòng thư viện	12 cm2	1
2.	Phòng ghi danh	12 cm2	1
3.	Phòng giáo viên	12 cm2	1
4.	Phòng Giám đốc	15 cm2	2
5.	Phòng máy tính	14 cm2 x 2	3, 4

- Số lượng thiết bị dạy học hiện có: 7

STT	Tên thiết bị	Số lượng
1.	Tivi	7

III. KIỂM ĐỊNH CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC

1. Kết quả kiểm định chất lượng giáo dục

- Kết quả tự đánh giá chất lượng giáo dục của cơ sở giáo dục; kế hoạch cải tiến chất lượng sau tự đánh giá;

- Kết quả đánh giá ngoài và công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, của cơ sở giáo dục qua các mốc thời gian;

- Kế hoạch và kết quả thực hiện cải tiến chất lượng sau đánh giá ngoài trong 05 năm và hằng năm.

2. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài

2.1. Tên chương trình, quốc gia cung cấp chương trình, thông tin chi tiết về nhà cung cấp chương trình

- Tên chương trình:
- Quốc gia cung cấp:
- Thông tin chi tiết về nhà cung cấp chương trình:

2.2. Tên cơ quan, tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục hoặc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài công nhận về chất lượng giáo dục:

2.3. Ngôn ngữ thực hiện các hoạt động giáo dục:

ĐỐC TRUNG TÂM
Ký tên, đóng dấu

ghi rõ họ và tên

CÔNG KHAI

KẾ HOẠCH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG GIÁO DỤC THƯỜNG XUYỀN

1. Thông tin về kế hoạch hoạt động giáo dục trong năm học: 2024-2025

1.1. Kế hoạch tuyển sinh của cơ sở giáo dục,

- Đối tượng tuyển sinh: Học sinh, sinh viên, người đi làm
- Chỉ tiêu: 96 học viên
- Phương thức tuyển sinh: Tư vấn trực tiếp, kênh giới thiệu từ phụ huynh, bạn bè, đồng nghiệp (word of mouth/referrals)
- Các mốc thời gian thực hiện tuyển sinh: Tuyển sinh định kỳ mỗi 3 tháng, cụ thể vào các tháng 8, 11/2024 và 2, 5/2025.
- Các thông tin liên quan khác: Trung tâm chú trọng vào chất lượng giảng dạy.

1.2. Kế hoạch giáo dục của cơ sở giáo dục:

- Tổ chức các khóa học tiếng Anh định kỳ theo từng quý, bám sát nhu cầu học viên.
- Xây dựng lộ trình học tập cá nhân hóa cho từng học viên, đảm bảo phù hợp với độ tuổi và trình độ đầu vào.
- Định kỳ kiểm tra, đánh giá năng lực học viên để điều chỉnh phương pháp giảng dạy.

1.3. Các chương trình giáo dục thực hiện tại cơ sở giáo dục:

- Danh mục và thông tin các chương trình giáo dục thường xuyên:

STT	Môn Dạy	Tên Chương Trình
1	Tiếng Anh	Starters
2	Tiếng Anh	Movers
3	Tiếng Anh	Flyers
4	Tiếng Anh	KET
5	Tiếng Anh	PET
6	Tiếng Anh	IELTS

- Danh mục các chương trình liên kết đào tạo trình độ chương trình giáo dục thường xuyên: không có

1.4. Yêu cầu phối hợp giữa cơ sở giáo dục với gia đình và xã hội đối với các chương trình giáo dục thường xuyên giảng dạy cho học viên dưới 18 tuổi:

- Gia đình theo dõi quá trình học tập, thường xuyên trao đổi với giáo viên/nhà trường để hỗ trợ học viên.

1.5. Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học viên ở cơ sở giáo dục:

- Cung cấp đầy đủ tài liệu, giáo trình và tài nguyên học tập bổ sung (tài liệu tham khảo, bài

tập nâng cao, đề thi thử).

- Tổ chức các lớp học phụ đạo hoặc lớp bổ sung theo nhu cầu cá nhân của học viên, nhằm giúp học viên khắc phục điểm yếu và đạt được mục tiêu đầu ra.
- Thực hiện kiểm tra định kỳ và tư vấn lộ trình học tập cá nhân, đảm bảo theo sát sự tiến bộ của học viên.

2. Thông tin về kết quả hoạt động giáo dục trong năm học trước:

1.1. Kết quả tuyển sinh trong năm học trước:

- Chỉ tiêu: 100 học viên.
- Số lượng tuyển sinh thực tế: 72 học viên, đạt 72% kế hoạch.
- Tỷ lệ duy trì học viên sau khóa học: ~85%.
- Phản hồi khảo sát học viên: 92% hài lòng với chất lượng giảng dạy và dịch vụ.

1.2. Tổng số học viên theo từng khóa học thuộc các chương trình giáo dục thường xuyên, chương trình liên kết đào tạo, số lượng học viên nam/ học viên nữ, học viên là người dân tộc thiểu số, học viên khuyết tật tại thời điểm báo cáo: 0

1.3. Cơ sở giáo dục thực hiện chương trình giáo dục của nước ngoài hoặc chương trình giáo dục tích hợp phải công khai thêm nội dung: số lượng người học đang học. (chia theo số lượng người học là người Việt Nam, số lượng người học là người nước ngoài).: 0

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
Ký tên, đóng dấu

ghi rõ họ và tên

CÔNG KHAI
DANH SÁCH NHÂN VIÊN

Mã trung tâm: TTNN.TH-1430						
STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Ngày ký HĐ LĐ động	Đóng BHXH	Vị trí việc làm
1	Trần Thị Hiền	20/11/1998	Đại học sư phạm		Có	Nhân viên
2	Vũ Thị Cát Tường	01/10/1983			Không	Nhân viên tập vụ

Ghi chú: Chị Cát Tường là nhân viên tập vụ mới được tuyển dụng nên hiện trung tâm đang trong quá trình hoàn thiện hồ sơ tham gia bảo hiểm xã hội theo quy định. Dự kiến sẽ hoàn tất thủ tục trong thời gian.

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
Ký tên, đóng dấu

ghi rõ họ và tên

CÔNG KHAI
DANH SÁCH GIÁO VIÊN NGƯỜI VIỆT NAM

Mã trung tâm: TTNN.TH-1430								
STT	Họ và tên	Năm sinh	Trình độ	Chuyên ngành	Chứng chỉ nghề nghiệp vụ sư phạm	Cơ hữu/ Thỉnh giảng	Ngày ký hợp đồng	Đóng BHXH
1	Đoàn Thanh Thảo	29/09/1988	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	có	Cơ hữu		Không
2	Lưu Ngọc Phương Linh	07/11/1997	Thạc sĩ	Ngôn ngữ Anh	có	Cơ hữu		Có
3	Ngô Thị Thơ	25/06/1997	Đại học sư phạm	Ngôn ngữ Anh	có	Cơ hữu		Có
4	Nguyễn Thị Bích Trâm	20/06/1992	Đại học	Ngôn ngữ Anh	có	Cơ hữu		Có

Ghi Chú: Chị Đoàn Thanh Thảo có đóng BHXH bên trường Hutech rồi

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
Ký tên, đóng dấu

ghi rõ họ và tên

CÔNG KHAI
DANH SÁCH GIÁO VIÊN NGƯỜI NƯỚC NGOÀI

Mã trung tâm: TTNN.TH-1430										
STT	Họ và tên	Năm sinh	Số hộ chiếu	Quốc tịch	Trình độ	Chuyên môn	Số giấy phép lao động	Ngày cấp giấy phép lao động	Ngày ký hợp đồng	Thực hiện chế độ chính sách
1	Không có									
2										

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
Ký tên, đóng dấu

ghi rõ họ và tên

CÔNG KHAI VỀ HỌC PHÍ

Mã trung tâm: TTNN.TH-1430						
STT	Môn dạy	Tên chương trình giảng dạy	Cấp độ	Học phí năm 2024	Học phí năm 2025	Ghi chú
1	Tiếng Anh	Starters	Lớp 1, 2		6,000,000	4 tiết/ tuần. 12 tuần/ khóa. (8 Khóa để hoàn thành Starters)
2	Tiếng Anh	Starters	Lớp 1, 2		7,000,000	6 tiết/ tuần. 12 tuần/ khóa. (6 khóa để hoàn thành Starters)
3	Tiếng Anh	Movers	Lớp 2, 3		6,000,000	4 tiết/ tuần. 12 tuần/ khóa. (Tổng 5 khóa)
4	Tiếng Anh	Movers	Lớp 2, 3		7,000,000	6 tiết/ tuần. 12 tuần/ khóa. (Tổng 4 khóa)
5	Tiếng Anh	Flyers	Lớp 3, 4, 5		6,000,000	4 tiết/ tuần. 12 tuần/ khóa. (Tổng 5 khóa)
6	Tiếng Anh	Flyers	Lớp 3, 4, 5		7,000,000	6 tiết/ tuần. 12 tuần/ khóa. (Tổng 4 khóa)
7	Tiếng Anh	KET	Lớp 4, 5, 6		6,000,000	4 tiết/ tuần. 12 tuần/ khóa. (6 khóa để hoàn thành KET)
8	Tiếng Anh	KET	Lớp 4, 5, 6		7,000,000	6 tiết/ tuần. 12 tuần/ khóa. (4 khóa để hoàn thành KET)

9	Tiếng Anh	PET	Lớp 5, 6, 7		6,000,000	4 tiết/ tuần. 12 tuần/ khóa. (6 khóa để hoàn thành PET)
10	Tiếng Anh	PET	Lớp 5, 6, 7		7,000,000	6 tiết/ tuần. 12 tuần/ khóa. (4 khóa để hoàn thành PET)
11	Tiếng Anh	Basic IELTS	Lớp 6, 7, 8		6,000,000	4 tiết/ tuần. 12 tuần/ khóa. (2 khóa để hoàn thành Basic Ielts)
12	Tiếng Anh	IELTS 6.0	Lớp 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, Sinh viên, Người lớn		6,000,000	4 tiết/ tuần. 12 tuần/ khóa. (4 khóa để hoàn thành Ielts 6.0)
13	Tiếng Anh	IELTS 6.0	Lớp 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, Sinh viên, Người lớn		7,000,000	6 tiết/ tuần. 12 tuần/ khóa. (4 khóa để hoàn thành Ielts 6.0)
14	Tiếng Anh	IELTS.70	Lớp 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, Sinh viên, Người lớn		6,000,000	4 tiết/ tuần. 12 tuần/ khóa. (4 khóa để hoàn thành Ielts 7.0)
15	Tiếng Anh	IELTS 7.0	Lớp 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, Sinh viên, Người lớn		7,000,000	6 tiết/ tuần. 12 tuần/ khóa. (4 khóa để hoàn thành Ielts 7.0)
16	Tiếng Anh	IELTS >= 7.5	Lớp 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, Sinh viên, Người lớn		7,000,000	6 tiết/ tuần. 12 tuần/ khóa. (4 khóa để hoàn thành Ielts >= 7.5)
17	Tiếng Anh	IELTS 5.0 Đặc Biệt Hè 2025	Lớp 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, Sinh viên, Người lớn		15,000,000	20 tiết/ tuần. 10 tuần/ khóa.
18	Tiếng Anh	IELTS 6.0 Đặc Biệt Hè 2025	Lớp 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, Sinh viên, Người lớn		15,000,000	20 tiết/ tuần. 10 tuần/ khóa.
19	Tiếng Anh	IELTS 7.0 Đặc Biệt Hè 2025	Lớp 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, Sinh viên, Người lớn		15,000,000	20 tiết/ tuần. 10 tuần/ khóa.
20	Tiếng Anh	IELTS >= 7.5 Đặc Biệt Hè 2025	Lớp 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12, Sinh viên, Người lớn		15,000,000	20 tiết/ tuần. 10 tuần/ khóa.
21	Tiếng Anh	PET Đặc Biệt Hè 2025	Lớp 5, 6, 7, 8		12,000,000	20 tiết/ tuần. 10 tuần/ khóa.
22	Tiếng Anh	KET Đặc Biệt Hè 2025	Lớp 4, 5, 6, 7		12,000,000	20 tiết/ tuần. 10 tuần/ khóa.

23	Tiếng Anh	FLYERS Đặc Biệt Hè 2025	Lớp 4, 5, 6		12,000,000	20 tiết/ tuần. 10 tuần/ khóa.
24	Tiếng Anh	Ngữ Pháp Tiếng Anh	Lớp 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12		4,000,000	4 tiết/ tuần. 12 tuần/ khóa (3 khóa cho 1 khối)
25	Tiếng Anh	Đảm bảo đầu ra IELTS từ 4.5 đến 7.5. Học phí tùy vào tuổi, trình độ đầu vào, và điểm mong muốn.	Lớp 10, 11, 12, Sinh viên, Người lớn			Tùy vào nhu cầu của học viên

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ và tên)

CÔNG KHAI
BÁO CÁO VỀ CHÍNH SÁCH HỌC BỔNG, CHÍNH SÁCH KHÁC

Mã trung tâm: TTNN.TH-1430						
STT	Mã trung tâm	Tên loại học bổng/ Chính sách khác	Năm 2024		Năm 2025	
			Số tiền/ xuất năm 2024	Số xuất trong năm 2025	Số tiền/ xuất năm 2024	Số xuất trong năm 2025
1		Không có				

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM
Ký tên, đóng dấu

ghi rõ họ và tên